

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 968/2026/DS-PT

Ngày 10/8/2026

V/v tranh chấp về thừa kế tài
sản, yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất và công
nhận hợp đồng tặng cho quyền
sử dụng đất

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Lâm;

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Khải;

Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọt, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 808/2026/TLPT-DS ngày 02 tháng 6 năm 2026, về tranh chấp về thừa kế tài sản, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2026/DS-ST ngày 12 tháng 02 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1058/2026/QĐ-PT ngày 22 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Hoàng V, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp K (nay là ấp K), xã L, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Bị đơn: Ông Lâm Bình T, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp K (nay là ấp K), xã L, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Việt H, sinh năm 1966; địa chỉ: L, Đường C, KDC M, phường S, thành phố Cần Thơ; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 24/02/2025). (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lâm Thị Ngọc H1, sinh năm 1966;
Địa chỉ: Số A, Đường A, Khu phố B, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
(vắng mặt)
2. Ông Lâm Văn T1, sinh năm 1968;
Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)
3. Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1972;
Địa chỉ: Ấp T, xã L, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)
4. Bà Lâm Thị Cẩm T2, sinh năm 1976;
Địa chỉ: Ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ. Địa chỉ liên hệ: Khóm T, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (vắng mặt)
5. Bà Lý Thị Hồng M, sinh năm 1990;
Địa chỉ: Ấp K (nay là ấp K), xã L, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)
6. Ông Lâm Tiến T3, sinh năm 1981;
7. Ông Lâm Văn T4, sinh năm 1974;
8. Ông Đặng Văn Đ1, sinh năm 1960;
9. Bà Trương Thị Sầm ;
10. Bà Sơn Thị T5;
11. Ông Trần Văn B;
12. Ông Trần Văn N;
13. Bà Trần Thị N1;
14. Bà Trần Thị Kim T6;
15. Bà Trần Thị Hồng X;
16. Bà Trần Thị Hồng N2;
17. Bà Trần Út H2;
18. Bà Lâm Thị L;
Cùng địa chỉ: Ấp K (nay là ấp K), xã L, thành phố Cần Thơ. (đều vắng mặt)
19. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ.
Địa chỉ: Ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ. (vắng mặt)
- *Người kháng cáo:*
 1. Ông Lâm Hoàng V - Nguyên đơn;
 2. Ông Lâm Bình T - Bị đơn;
 3. Ông Lâm Văn T1, Lâm Văn Đ, Lâm Văn T4, bà Lâm Thị Cẩm T2, Lâm Thị Ngọc H1 - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 23 tháng 8 năm 2024, đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn ông Lâm Hoàng V và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Cha, mẹ ông Lâm Hoàng V là cụ Lâm Văn C (chết năm 2023) và cụ Thiềm Thị K (chết năm 2022) sống chung có tất cả 08 người con, gồm: Lâm Thị Ngọc H1, Lâm Văn T1, Lâm Văn Đ, Lâm Thị Cẩm T2, Lâm Tiến T3, Lâm Văn T4, Lâm Bình T và ông V. Khi còn sống, hai cụ có tạo lập được các tài sản gồm:

- Diện tích đất 310m², thửa 231, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 403902, số vào sổ CH00199, ngày 31/12/2013, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ C. Trên đất có một căn nhà cấp 4, ngang 06m, dài 15m. Nhà và đất trị giá khoảng 100.000.000 đồng.

- Diện tích đất 291m², thửa 420, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 403907, số vào sổ CH00197, ngày 31/12/2013, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ C. Đất có trị giá khoảng 90.000.000 đồng.

- Diện tích đất 11.183m², thửa 276, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 756576, số vào sổ CH00174, ngày 027/2014, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ C. Đất có trị giá khoảng 400.000.000 đồng.

Hai cụ chết không để lại di chúc. Các anh em của ông V không thỏa thuận được phân chia di sản thừa kế và hiện tại ông Lâm Bình T bao chiếm toàn bộ di sản của cha, mẹ để lại. Do đó, ông V yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với toàn bộ di sản của cụ C và cụ K để lại, gồm: Một căn nhà cấp 4 gắn liền phần đất có diện tích 310m², thửa 231; diện tích 291m², thửa 420 và diện tích 11.183m², thửa 276 thành 08 kỷ phần, ông V được nhận một kỷ phần tương đương giá trị 73.750.000 đồng, đồng thời yêu cầu được nhận bằng hiện vật.

Đến ngày 23/8/2024, ông V có yêu cầu bổ sung: Ngoài các thửa đất nêu trên, cha mẹ ông V còn tạo lập được phần đất có diện tích 2.136m², thửa 239, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng có giá trị tương đương 100.000.000 đồng. Do đó, ông yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 2.136m², thửa 239 thành 08 kỷ phần, ông V yêu cầu được nhận bằng giá trị với số tiền 12.500.000 đồng.

Sau khi xem xét, thẩm định tại chỗ các phần đất tranh chấp và Sơ đồ đo đạc các thửa đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Sóc Trăng cung cấp thì đối với các phần đất thửa 231 và 420 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho cụ C là chưa đúng, vì thực tế các phần đất này thuộc 01 phần thửa 232, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Trần Văn C1 và 01 phần thửa 198 do ông Trần Văn C1 đứng tên trong sổ mục kê. Do vậy, ông V thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện, cụ thể:

- Công nhận phần đất có diện tích thực tế 697,8m², thuộc 01 phần thửa 198, tờ bản đồ số 3, đất tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) do ông C1 đứng tên trong sổ mục kê là di sản thừa kế của cụ C, cụ K để chia thừa kế theo pháp luật thành 08 kỷ phần bằng nhau cho 08 người con của cụ C, cụ K.

- Hủy 01 phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích thực tế 627,3m², thuộc 01 phần thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông C1, đồng thời công nhận phần đất này và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất là di sản thừa kế của cụ C, cụ K để lại, chia thừa kế theo pháp luật thành 08 kỷ phần bằng nhau cho 08 người con của cụ C, cụ K.

- Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ C, cụ K để lại là diện tích đất 2.688,1m², thửa 239 và diện tích đất 11.364,4m², thửa 276, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) thành 08 kỷ phần bằng nhau cho 08 người con của cụ C, cụ K.

- Ông V yêu cầu được nhận bằng hiện vật đối với phần di sản được chia.

Theo đơn phản tố ngày 02 tháng 12 năm 2024 của bị đơn ông Lâm Bình T và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông V yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C và cụ K để lại là chưa hết. Vì khi còn sống, cụ C, cụ K còn nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn Đ2 và bà Trương Thị Sầm P đất có diện tích 1.000m², thửa 275, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng từ năm 1993, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy viết tay; đồng thời còn nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị B1 và ông Nguyễn Văn T7 01 phần đất có diện tích khoảng 300m², tọa lạc ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng từ năm 2006, phần đất này đã được Nhà nước thu hồi mở rộng Tỉnh lộ và bồi thường số tiền 800.000.000 đồng do ông Lâm Tiến T3 đại diện nhận tiền bồi thường. Ngoài ra, khi còn sống, cụ C, cụ K đã tặng cho vợ chồng ông T căn nhà sau gắn liền với phần đất có diện tích khoảng 500m², thuộc một phần thửa 231, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, khi cho tặng nhà đất có sự chứng kiến của 02 người cô ruột là cụ Lâm Thị H3 và cụ Lâm Thị L.

Do đó, ông T yêu cầu:

- Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ C, cụ K để lại đối với phần đất diện tích 1.000m², thửa 275, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Chia thừa kế theo pháp luật di sản của cụ C và cụ K để lại đối với số tiền 800.000.000 đồng do Nhà nước bồi thường khi thu hồi đất và tài sản trên đất tại phần đất có diện tích 300m², tọa lạc tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Công nhận căn nhà sau gắn liền với phần đất có diện tích khoảng 500m², thửa 231, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản của cụ C và cụ K đã tặng cho ông T và bà Lý Thị Hồng M.

Qua kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì căn nhà sau gắn liền phần đất diện tích 500m² thuộc 01 phần thửa 232 và 239 nên ông T thay đổi một phần yêu cầu phản tố, cụ thể: Yêu cầu công nhận căn nhà sau gắn liền với phần đất có diện tích khoảng 500m², thuộc 01 phần thửa 232 và 239, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là tài sản do cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K đã tặng cho ông Lâm Bình T và bà Lý Thị Hồng M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sơn Thị T5 trình bày:

Bà và ông Trần Văn C1 có 07 người con gồm: Trần Văn B, Trần Văn N, Trần Thị N1, Trần Thị Kim T6, Trần Thị Hồng X, Trần Thị Hồng N2 và Trần Út H2. Các thửa đất 198 và 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) là tài sản chung của bà và ông C1. Chồng bà đã chết hơn 20 năm nên bà và các con cùng quản lý, sử dụng đất. Đối với tranh chấp giữa ông V và ông T thì bà không có ý kiến. Hiện tại đất bà giáp ranh với đất tranh chấp đã có ranh ổn định là trụ đá nên đối với những người thừa kế có yêu cầu công nhận phần đất thuộc 01 phần thửa 198 do chồng bà đứng tên sổ mục kê và yêu cầu hủy 01 phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất tranh chấp thuộc thửa 232, do chồng bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chia thừa kế thì bà không có ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn Đ1 và bà Trương Thị S trình bày:

Vào khoảng năm 1993, ông bà có chuyển nhượng cho cụ Lâm Văn C 01 công đất đã lên nền với giá 400 kg lúa, nhưng quy ra giá trị bằng tiền, việc chuyển nhượng đất có làm giấy hay không thì không nhớ, sau khi bán không có làm thủ tục sang tên, thửa đất có được cấp quyền sử dụng hay chưa thì ông bà cũng không nhớ. Việc ông T yêu cầu chia thừa kế phần đất này thì ông bà không có ý kiến và không có yêu cầu gì đối với phần đất này.

Theo đơn yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị Ngọc H1, ông Lâm Văn T1, ông Lâm Văn Đ, ông Lâm Văn T4, ông Lâm Tiến T3 và bà Lâm Thị Cẩm T2 trình bày:

Các ông, bà thống nhất với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông V và đồng ý nhường lại cho ông V hưởng các kỷ phần thừa kế được hưởng. Đồng thời, các ông, bà yêu cầu Tòa án xem xét giao toàn bộ hiện vật căn nhà trước và nhà sau gắn liền với đất thửa 232, diện tích 627,3m² cho ông V được quyền sử dụng làm nơi thờ cúng, vì lúc cha mẹ còn sống có ý nguyện cho ông V toàn bộ căn nhà trước, nhà sau và khu mộ, để sau này ông V thờ cúng ông bà, cha mẹ. Ý nguyện của cha mẹ là sẽ để lại toàn bộ căn nhà trước và sau cho ông V chứ không phải

cho ông T như lời ông T trình bày. Ngoài ra, căn nhà trước và căn nhà sau là căn nhà do cha mẹ đã có công tích góp để xây dựng, ông T hoàn toàn không có đóng góp gì trong việc xây dựng và đây là căn nhà thờ cúng ông bà, nhưng kể từ khi cha mẹ qua đời thì ông T ngang nhiên chiếm toàn bộ căn nhà không cho các anh em vào thờ cúng cha mẹ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị L trình bày:

Đối với phần đất tranh chấp theo yêu cầu chia thừa kế của ông T tại thửa 275 có giáp ranh với thửa 337 của bà. Trước đây, khi ông Đặng Văn Đ3 sử dụng đã có lần chiếm khoảng 02 - 03 tầm nhưng vợ chồng bà và các con đều không có phản đối hay khiếu nại, sau này ông Đ1 đã sang lại cho cụ C. Hiện nay, các con của cụ C yêu cầu chia thừa kế thì bà cũng không có tranh chấp đối với phần đất đã lần chiếm, thống nhất ranh đất theo bờ ruộng thực tế đo đạc, nếu các con của cụ C có yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho chồng bà để điều chỉnh lại cho đúng ranh đất thì bà cũng thống nhất.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm ông Trần Văn B, ông Trần Văn N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị Kim T6, bà Trần Thị Hồng X, bà Trần Thị Hồng N2 và bà Trần Út H2: Trong quá trình giải quyết vụ án, các ông, bà không có ý kiến cũng như yêu cầu gì.

Tại Bản án số 10/2026/DS-ST ngày 12/02/2026, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 và khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 31 Luật Tổ tụng hành chính; Điều 459, Điều 611, Điều 613, Điều 618, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 và khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Bình T đối với yêu cầu chia thừa kế số tiền bồi thường 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng V, về hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K1.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Bình T, về chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K1.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Bình T, về việc yêu cầu công nhận cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị Khương T8 cho căn nhà sau gắn liền với phần đất có diện tích 500m², thuộc 01 phần thửa 232, tờ bản đồ

số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 597687, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn C1 đã vào sổ đăng ký ruộng đất (Sổ địa chính) lập ngày 08/3/1995, đối với thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

Bà Sơn Thị T5, ông Trần Văn B, ông Trần Văn N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị Kim T6, bà Trần Thị Hồng X, bà Trần Thị Hồng N2 và bà Trần Út H2 có nghĩa vụ giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 597687, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn C1, đã vào sổ đăng ký ruộng đất (Sổ địa chính) lập ngày 08/3/1995, đối với thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) cho cơ quan có thẩm quyền để thu hồi điều chỉnh và cấp lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

6. Xác định phân tài sản riêng của ông Lâm Bình T gồm 01 cái chuồng gà và 01 mái che nhà vệ sinh gắn liền với đất thửa 239, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ có tổng giá trị là 9.078.404 đồng (Chín triệu, không trăm bảy mươi tám nghìn, bốn trăm lẻ bốn đồng); tài sản riêng của ông Lâm Văn T4 gồm 01 căn nhà tiền chế và sân xi măng gắn liền với đất thuộc 01 phần thửa 198, có tổng giá trị là 41.692.311 đồng (Bốn mươi một triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm mười một đồng), nhưng không đặt ra việc xem xét buộc ông Lâm Văn T4 di dời tài sản trên đất.

7. Xác định di sản thừa kế của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K để lại gồm có: Diện tích đất 697,8m² thuộc một phần thửa 198; diện tích đất 627,3m² thuộc một phần thửa 232; diện tích đất còn lại 2.688,1m² thuộc thửa 239; diện tích đất 11.364,4m² thuộc thửa 276 và diện tích đất 1.301,6m² thuộc thửa 275, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ và toàn bộ tài sản trên đất gồm có căn nhà trước, căn nhà sau, sân xi măng, hàng rào, mái che và nhà vệ sinh gắn liền với đất tại thửa 232; mái che, nhà kho, sân xi măng, lối đi, hàng rào, hồ chứa nước, nhà mồ, 13 cây cà na loại C, 03 cây dừa loại C, 01 cây bần loại C, 01 cây cóc loại B, 05 cây xoài loại C, 02 cây me loại C, 01 cây mít loại C, 01 cây mù u loại C và 01 cây trâm loại A trên thửa 239 có tổng giá trị làm tròn 3.490.287.652 đồng.

8. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, về việc không phân chia thừa kế đối với nhà mồ, phần đất xây dựng nhà mồ và phần đất làm lối đi chung có chiều rộng 4m từ giáp lộ đāl đến giáp thửa 232 dọc theo cạnh hướng Đông giáp ranh thửa 233 (của ông Trần Văn C2) và đi vào khu đất nhà mồ có diện tích 324,6m², thuộc một phần thửa 239, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) có tổng giá trị 108.667.842 đồng.

9. Chia di sản thừa kế của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K như sau:

- Chia toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích 697,8m² thuộc một phần thửa 198; diện tích 627,3m² thuộc một phần thửa 232; diện tích còn lại 2.363,5m²

thuộc thửa 239; diện tích 11.364,4m² thuộc thửa 276 và diện tích 1.301,6m² thuộc thửa 275, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) thành 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương giá trị 384.007.404 đồng. Trong đó, chia cho ông Lâm Hoàng V hưởng 07 kỷ phần, tổng giá trị tài sản được hưởng là 2.688.051.828 đồng; chia cho ông Lâm Bình T được hưởng một kỷ phần tương đương 384.007.404 đồng.

- Chia toàn bộ tài sản trên đất gồm có: Nhà trước, nhà sau, sân xi măng, hàng rào, mái che, nhà vệ sinh tại thửa 232; Mái che, nhà kho, sân xi măng, lối đi, hàng rào, hồ chứa nước và các cây trồng (13 cây cà na loại C, 03 cây dừa loại C, 01 cây bần loại C, 01 cây cóc loại B, 05 cây xoài loại C, 02 cây me loại C, 01 cây mít loại C, 01 cây mù u loại C và 01 cây trâm loại A) tại thửa 239 thành 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 34.395.620 đồng. Trong đó, chia cho ông Lâm Hoàng V hưởng 07 kỷ phần, giá trị tài sản được hưởng 240.769.337 đồng; chia cho ông Lâm Bình T hưởng 02 kỷ phần, giá trị tài sản được hưởng là 68.791.239 đồng.

- Tổng giá trị tài sản ông Lâm Hoàng V được hưởng là 2.928.821.165 đồng; tổng giá trị tài sản ông Lâm Bình T được hưởng là 452.798.643 đồng. Cụ thể phân chia thừa kế bằng hiện vật đối với các phần đất và tài sản trên đất như sau:

+ Chia cho ông Lâm Hoàng V quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 697,8m² (loại đất ONT 50m², CLN 647,8m² và có 531,4m² trong hành lang sông) thuộc một phần thửa 198; phần đất có diện tích 2.363,5m² (loại đất LUC, có 446,8m² trong hành lang lộ giới) thuộc một phần thửa 239; phần đất có diện tích 11.364,4m² (loại đất LUC, có 78,7m² trong hành lang lộ giới) thuộc thửa 276 và phần đất có diện tích 1.301,6m² (loại đất ONT 300m², CLN 1.001,6m² và có 64,4m² trong hành lang lộ giới) thuộc thửa 275, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ cùng với toàn bộ công trình tài sản và cây trồng trên đất gồm mái che, nhà kho, sân xi măng, lối đi, hàng rào, hồ chứa nước và các cây trồng (13 cây cà na loại C, 03 cây dừa loại C, 01 cây bần loại C, 01 cây cóc loại B, 05 cây xoài loại C, 02 cây me loại C, 01 cây mít loại C, 01 cây mù u loại C và 01 cây trâm loại A) tại thửa 239.

+ Chia cho ông Lâm Bình T được quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 627,3m² (loại đất ONT 50m², CLN 577,3m²) thuộc một phần thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ cùng với toàn bộ công trình tài sản và cây trồng trên đất gồm nhà trước, nhà sau, sân xi măng, hàng rào, mái che, nhà vệ sinh gắn liền với phần đất.

+ Giao cho ông Lâm Hoàng V được quyền đứng tên quản lý phần đất và toàn bộ tài sản không phân chia thừa kế tại phần đất xây dựng nhà mồ và phần đất làm lối đi chung có chiều rộng 4m từ giáp lộ đāl đến giáp thửa 232 dọc theo cạnh hướng Đông giáp ranh thửa 233 (của ông Trần Văn C2) và đi vào khu đất nhà mồ, phần đất có diện tích 324,6m² thuộc một phần thửa 239, tờ bản đồ số 3,

tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ. Ông Lâm Hoàng V không được quyền chuyển nhượng hoặc ngăn cản các đồng thừa kế sử dụng lối đi chung và vào viếng mộ cha, mẹ tại phần đất này.

(Đính kèm theo sơ đồ các thửa đất phân chia thừa kế).

- Ông Lâm Hoàng V và ông Lâm Bình T có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần tài sản được chia theo quy định pháp luật.

- Ông Lâm Bình T phải có trách nhiệm hoàn trả cho ông Lâm Hoàng V phần giá trị tài sản chênh lệch sau khi khấu trừ giá trị tài sản riêng bằng số tiền 165.667.309 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Lâm Hoàng V có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lâm Bình T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 24/02/2026, ông T kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông, đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ ông thành 09 kỷ phần và cho ông được nhận 02 kỷ phần.

Ngày 26/02/2026, ông T1, ông Đ và ông T4 cùng có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông V được nhận hiện vật là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 3, diện tích thực tế 627,3m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích ngang 6m, dài 15m, tọa lạc tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

Ngày 26/02/2026, bà H1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông V được nhận hiện vật là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 3, diện tích thực tế 627,3m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích ngang 6m, dài 15m, tọa lạc tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

Ngày 26/02/2026, bà T2 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông V được nhận hiện vật là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 3, diện tích thực tế 627,3m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích ngang 6m, dài 15m, tọa lạc tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

Ngày 27/02/2026, ông V có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chia cho ông được nhận hiện vật là thửa đất số 232, tờ bản đồ số 3, diện tích thực

tế 627,3m² và căn nhà cấp 4 trên đất diện tích ngang 6m, dài 15m, tọa lạc tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông V không rút đơn khởi kiện nhưng rút kháng cáo. Ông T không rút đơn phản tố và không rút kháng cáo. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trừ bà M) đều vắng mặt. Ông T và ông V đã thỏa thuận được với nhau, cụ thể ông V không yêu cầu ông T phải hoàn trả cho ông V giá trị tài sản chênh lệch sau khi khấu trừ giá trị tài sản riêng theo bản án sơ thẩm đã tuyên với số tiền là 165.667.309 đồng.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trừ bà M) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt, không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; các ông bà T1, Đ, T4, H1, T2 có đơn kháng cáo nhưng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, coi như từ bỏ việc kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của những người này, đồng thời xét xử vắng mặt đối với những người còn lại. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V rút toàn bộ kháng cáo, việc ông V rút kháng cáo là tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông V. Đối với yêu cầu kháng cáo của ông T, tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và ông V đã thỏa thuận được với nhau, theo đó ông V không yêu cầu ông T phải hoàn trả cho ông giá trị tài sản chênh lệch sau khi khấu trừ giá trị tài sản riêng theo bản án sơ thẩm đã tuyên với số tiền 165.667.309 đồng, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận giữa ông T và ông V như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm các ông, bà Lâm Thị Ngọc H1, Lâm Văn T1, Lâm Văn Đ, Lâm Thị Cẩm T2, Lâm Tiến T3, Lâm Văn T4, Đặng Văn Đ1, Trương Thị S, Sơn Thị T5, Trần Văn B, Trần Văn N, Trần Thị N1, Trần Thị Kim T6, Trần Thị Hồng X, Trần Thị Hồng N2, Trần Út H2, Lâm Thị L và Ủy ban nhân dân xã L, thành phố Cần Thơ: Các ông, bà đều đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; đối với ông T1, ông Đ, ông T4, bà H1, bà T2 có đơn kháng cáo thì coi như từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử

chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông T1, ông Đ, ông T4, bà H1 và bà T2, đồng thời tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt đối với những người còn lại.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông V rút toàn bộ kháng cáo. Việc ông V rút kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện, do đó Hội đồng xét xử cũng chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông V.

[3] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của Lâm Bình T đảm bảo về hình thức và nội dung, đúng người có quyền kháng cáo, còn trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của ông T, về việc yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông, đồng thời yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ ông thành 09 kỷ phần và cho ông được nhận 02 kỷ phần, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và ông V đã thỏa thuận được với nhau, cụ thể ông V không yêu cầu ông T phải hoàn trả cho ông V giá trị tài sản chênh lệch sau khi khấu trừ giá trị tài sản riêng theo bản án sơ thẩm đã tuyên với số tiền 165.667.309 đồng, việc thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận nêu trên giữa ông V và ông T.

[5] Các phần khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, cụ thể công nhận sự thỏa thuận giữa ông V với ông T về việc ông T không phải hoàn trả cho ông V giá trị tài sản chênh lệch sau khi khấu trừ giá trị tài sản riêng với số tiền 165.667.309 đồng.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 18, khoản 4, khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử quyết định: Về án phí dân sự phúc thẩm, sung vào công quỹ Nhà nước đối với số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông T1, ông Đ, ông T4, bà H1, bà T2 đã nộp; ông V và ông T mỗi người phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Về án phí dân sự sơ thẩm không thay đổi.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 289, khoản 3 Điều 296, Điều 300, khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 312 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 18, khoản 4 và khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của nguyên đơn ông Lâm Hoàng V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Lâm Thị Ngọc H1, ông Lâm Văn T1, ông Lâm Văn Đ, bà Lâm Thị Cẩm T2 và ông Lâm Văn T4.

Công nhận sự thỏa thuận giữa nguyên đơn ông Lâm Hoàng V với bị đơn ông Lâm Bình T.

1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 116/2025/DS-ST ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, cụ thể như sau:

Tuyên xử:

1.1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của ông Lâm Bình T về yêu cầu chia thừa kế số tiền 800.000.000 đồng (Tám trăm triệu đồng).

1.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng V, về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K1.

1.3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Bình T, về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K1.

1.4. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lâm Bình T, về việc yêu cầu công nhận căn nhà sau gắn liền với phần đất có diện tích 500m², thuộc 01 phần thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ là cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị Khương T8 cho vợ chồng ông.

1.5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 597687, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn C1 đã vào sổ đăng ký ruộng đất (Sổ địa chính) lập ngày 08 tháng 3 năm 1995, đối với thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

Bà Sơn Thị T5, ông Trần Văn B, ông Trần Văn N, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị Kim T6, bà Trần Thị Hồng X, bà Trần Thị Hồng N2 và bà Trần Út H2 có nghĩa vụ giao nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 597687, do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Trần Văn C1, đã vào sổ đăng ký ruộng đất (Sổ địa chính) lập ngày 08 tháng 3 năm 1995, đối với thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) cho cơ quan có thẩm quyền để thu hồi điều chỉnh và cấp lại quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai.

1.6. Xác định phần tài sản riêng của ông Lâm Bình T gồm 01 (một) cái chuồng gà và 01 (một) mái che nhà vệ sinh gắn liền với đất thửa 239, tờ bản đồ

số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ có tổng giá trị 9.078.404 đồng (Chín triệu không trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng); tài sản riêng của ông Lâm Văn T4 gồm 01 (một) căn nhà tiền chế và sân xi măng gắn liền với đất thuộc 01 phần thửa 198 có tổng giá trị 41.692.311 đồng (Bốn mươi một triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn, ba trăm mười một đồng) nhưng không đặt ra việc xem xét buộc ông Lâm Văn T4 di dời tài sản trên đất.

1.7. Xác định di sản của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K để lại gồm có: Diện tích đất 697,8m² thuộc một phần thửa 198; diện tích đất 627,3m² thuộc một phần thửa 232; diện tích đất còn lại 2.688,1m² thuộc thửa 239; diện tích đất 11.364,4m² thuộc thửa 276 và diện tích đất 1.301,6m² thuộc thửa 275, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ và toàn bộ tài sản trên đất là căn nhà trước, căn nhà sau, sân xi măng, hàng rào, mái che và nhà vệ sinh gắn liền với đất tại thửa 232; mái che, nhà kho, sân xi măng, lối đi, hàng rào, hồ chứa nước, nhà mồ, 13 cây cà na loại C, 03 cây dừa loại C, 01 cây bần loại C, 01 cây cóc loại B, 05 cây xoài loại C, 02 cây me loại C, 01 cây mít loại C, 01 cây mù u loại C và 01 cây trâm loại A trên thửa 239 có tổng giá trị 3.490.287.652 đồng (Ba tỷ bốn trăm chín mươi triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn sáu trăm năm mươi hai đồng).

1.8. Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, về việc không phân chia thừa kế đối với nhà mồ, phần đất xây dựng nhà mồ và phần đất làm lối đi chung có chiều rộng 4m từ giáp lộ đāl đến giáp thửa 232 dọc theo cạnh hướng Đông giáp ranh thửa 233 của ông Trần Văn C2 và đi vào khu đất nhà mồ có diện tích 324,6m², thuộc một phần thửa 239, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ.

1.9. Chia di sản thừa kế của cụ Lâm Văn C và cụ Thiềm Thị K như sau:

Chia toàn bộ quyền sử dụng đất diện tích 697,8m² thuộc một phần thửa 198; diện tích 627,3m² thuộc một phần thửa 232; diện tích còn lại 2.688,1m² thuộc thửa 239; diện tích 11.364,4m² thuộc thửa 276 và diện tích 1.301,6m² thuộc thửa 275, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ) thành 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương giá trị 384.007.404 đồng (Ba trăm tám mươi bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng). Ông Lâm Hoàng V được hưởng 07 (tám) kỷ phần với tổng giá trị là 2.688.051.828 đồng (Hai tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu không trăm năm mươi một nghìn tám trăm hai mươi tám đồng). Ông Lâm Bình T được hưởng 01 (một) kỷ phần tương đương 384.007.404 đồng (Ba trăm tám mươi bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm lẻ bốn đồng).

Chia toàn bộ tài sản trên đất gồm có: Nhà trước, nhà sau, sân xi măng, hàng rào, mái che, nhà vệ sinh tại thửa 232; Mái che, nhà kho, sân xi măng, lối đi, hàng rào, hồ chứa nước và các cây trồng (13 cây cà na loại C, 03 cây dừa loại C, 01 cây bần loại C, 01 cây cóc loại B, 05 cây xoài loại C, 02 cây me loại C, 01 cây mít loại C, 01 cây mù u loại C và 01 cây trâm loại A) tại thửa 239 thành 09 kỷ phần, mỗi kỷ phần tương đương 34.395.620 đồng. Ông Lâm Hoàng V được hưởng 07 (bảy) kỷ phần tương đương giá trị 240.769.337 đồng (Hai trăm bốn

mười triệu bảy trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm ba mươi bảy đồng). Ông Lâm Bình T được hưởng 02 kỷ phần tương đương giá trị 68.791.239 đồng (Sáu mươi tám triệu bảy trăm chín mươi một nghìn hai trăm ba mươi chín đồng).

Tổng giá trị tài sản ông Lâm Hoàng V được hưởng thừa kế là 2.928.821.165 đồng (Hai tỷ chín trăm hai mươi tám triệu tám trăm hai mươi một nghìn một trăm sáu mươi lăm đồng); tổng giá trị tài sản ông Lâm Bình T được hưởng thừa kế là 452.798.643 đồng (Bốn trăm năm mươi hai triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng). Cụ thể phân chia thừa kế bằng hiện vật đối với các phần đất và tài sản trên đất như sau:

- Chia cho ông Lâm Hoàng V quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 697,8m² (loại đất ONT 50m², CLN 647,8m² và có 531,4m² trong hành lang sông) thuộc một phần thửa 198; phần đất có diện tích 2.363,5m² (loại đất LUC, có 446,8m² trong hành lang lộ giới) thuộc một phần thửa 239; phần đất có diện tích 11.364,4m² (loại đất LUC, có 78,7m² trong hành lang lộ giới) thuộc thửa 276 và phần đất có diện tích 1.301,6m² (loại đất ONT 300m², CLN 1.001,6m² và có 64,4m² trong hành lang lộ giới) thuộc thửa 275, cùng tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ cùng với toàn bộ tài sản trên đất gồm mái che, nhà kho, sân xi măng, lối đi, hàng rào, hồ chứa nước và các cây trồng (13 cây cà na loại C, 03 cây dừa loại C, 01 cây bần loại C, 01 cây cóc loại B, 05 cây xoài loại C, 02 cây me loại C, 01 cây mít loại C, 01 cây mù u loại C và 01 cây trâm loại A) tại thửa 239.

- Chia cho ông Lâm Bình T được quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 627,3m² (loại đất ONT 50m², CLN 577,3m²) thuộc một phần thửa 232, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ cùng với toàn bộ tài sản trên đất gồm nhà trước, nhà sau, sân xi măng, hàng rào, mái che, nhà vệ sinh gắn liền với phần đất.

- Giao cho ông Lâm Hoàng V được quyền đứng tên quản lý phần đất và toàn bộ tài sản không phân chia thừa kế tại phần đất xây dựng nhà mô và phần đất làm lối đi chung có chiều rộng 4m từ giáp lộ đal đến giáp thửa 232 dọc theo cạnh hướng Đông giáp ranh thửa 233 của ông Trần Văn C2 và đi vào khu đất nhà mô, phần đất có diện tích 324,6m² thuộc một phần thửa 239, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, nay là ấp K, xã L, thành phố Cần Thơ. Ông Lâm Hoàng V không được quyền chuyển nhượng hoặc ngăn cản các đồng thừa kế sử dụng lối đi chung và vào viếng mộ cha, mẹ tại phần đất này.

(Đính kèm theo sơ đồ các thửa đất phân chia thừa kế).

Ông Lâm Hoàng V và ông Lâm Bình T có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần di sản được chia theo quy định pháp luật về đất đai.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa ông Lâm Hoàng V với ông Lâm Bình T về việc ông Lâm Bình T không phải hoàn trả lại cho ông Lâm Hoàng V phần giá trị tài sản chênh lệch sau khi khấu trừ giá trị tài sản riêng với số tiền là 165.667.309 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm lẻ chín đồng).

1.10. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá: Ông Lâm Hoàng V phải chịu là 42.466.625 đồng (Bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi lăm đồng). Ông Lâm Hoàng T9 phải chịu 6.066.661 đồng (Sáu triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi một đồng). Ông Lâm Hoàng V đã nộp tạm ứng trước 42.033.286 đồng (Bốn mươi hai triệu không trăm ba mươi ba nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng), ông Lâm Hoàng T9 đã nộp tạm ứng trước 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) nên ông Lâm Hoàng V phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Lâm Hoàng T9 433.339 đồng (Bốn trăm ba mươi ba nghìn ba trăm ba mươi chín đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày ông Lâm Bình T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, ông Lâm Hoàng V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.11. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lâm Hoàng V phải chịu là 90.576.423 đồng (Chín mươi triệu năm trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi ba đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.155.750 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi đồng), theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003804 ngày 13 tháng 3 năm 2024 và số 0007993 ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng cũ và như vậy, ông còn phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 88.420.673 đồng (Tám mươi tám triệu bốn trăm hai mươi nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng).

- Ông Lâm Bình T phải chịu là 22.411.946 đồng (Hai mươi hai triệu bốn trăm mười một nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.725.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008050 ngày 10 tháng 12 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng cũ và như vậy, ông còn phải nộp thêm án phí sơ thẩm là 17.686.946 đồng (Mười bảy triệu sáu trăm tám mươi sáu nghìn chín trăm bốn mươi sáu đồng).

2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Lâm Bình T phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004341 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C và như vậy, ông đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Ông Lâm Hoàng V phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004392 ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C và như vậy, ông đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Lâm Văn T1 đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004726 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Lâm Văn Đ đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004727 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Lâm Văn T4 đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004728 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Lâm Thị Ngọc H1 đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004730 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C.

- Sung vào công quỹ Nhà nước số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà bà Lâm Thị Cẩm T2 đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004731 ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố C.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36 và 72 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND khu vực 7 - Cần Thơ;
- VKSND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- THADS TP Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Lâm

